

	CÔNG TY TNHH XNK THÁI TẬP	Mã tài liệu: ĐTKT_AQ 6-DZM-20
	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT ẮC QUY LOẠI 6- DZM-20 (12V - 20Ah)	Ngày có hiệu lực: 2/01/2025

- Ắc quy 6-DZM-20 (12V-20Ah) thuộc dòng ắc quy chì axit kín khí có van điều chỉnh(VRLA) điện dịch gel với đặc tính:
- Kín hoàn toàn, chống rò rỉ: Hệ điện dịch gel giúp ắc quy có thể sử dụng an toàn cho mọi thiết bị và mọi vị trí.
 - Độ bền cao: do các tấm sườn cực được đúc từ hợp kim chì đặc biệt có khả năng chịu nhiệt và chống ăn mòn cao, và điện dịch gel cho phép tái tổ hợp 99% khí trong quá trình nạp trở thành nước giúp bảo toàn điện dịch.
 - Khả năng nhận nạp nhanh và tuổi thọ cao do chất hoạt động được chế tạo sử dụng phụ gia graphene & carbon fiber tăng độ dẫn trong chất hoạt động và không chế được hiện tượng sunphat hóa tấm cực.
 - Cấu trúc vỏ có van điều chỉnh cho phép thoát khí ra ngoài trong trường hợp quá nạp nên đảm bảo tính an toàn.

Thành phần cấu tạo ắc quy:

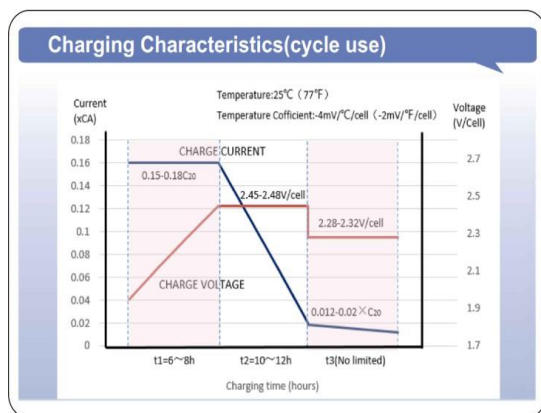
Thành phần	Chất hoạt động tấm cực dương	Chất hoạt động tấm cực âm	Vỏ bình	Van an toàn	Điện cực	Tấm cách	Dung dịch điện ly-gel_semi gel
Vật liệu	Chì đi ôxit (PbO ₂)	Chì xốp(Pb xốp)	ABS	Cao su	Đồng mạ bạc	AGM	H ₂ SO ₄ - gel

Thông số kỹ thuật:

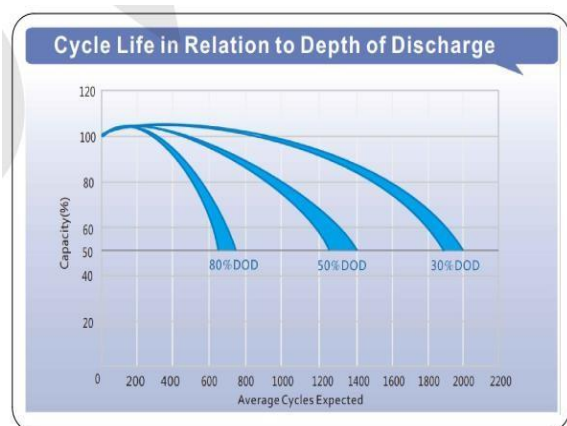
STT	Thông số		Yêu cầu
1	Loại ắc quy		Ắc quy chì axit kín khí
2	Mã kiểu loại		6-DZM-20 (12V20AH)
3	Điện áp danh định (V)		12V
4	Dung lượng danh định (Ah)		20Ah
5	Điện áp hở mạch (V/bình)		13.1V - 13.4V
6	Dung lượng: (Ah, 25°C)	2h (điện áp ngắt 10.5V/bình , dòng xả 10A)	≥ 20Ah
7		3h (điện áp ngắt 10.5V/bình , dòng xả 8A)	≥ 21Ah
8		5h (điện áp ngắt 10.5V/bình , dòng xả 4.52A)	≥ 22.6Ah
9		10h (điện áp ngắt 10.5V/bình , dòng xả 2.4A)	≥ 24Ah
10		20h (điện áp ngắt 10.5V/bình , dòng xả 1.25A)	≥ 25Ah
11	Trọng lượng		6.600 ± 200 (g)
12	Kích thước		Dài: 181±2mm; Rộng: 77±2mm Cao: 170±2mm Cao tổng: 172±2mm (với bulong)
13	Dòng xả tối đa (A)		31 A
14	Nội trở		≤ 12.0mΩ (nạp no ở 25°C)
15	Nhiệt độ làm việc	Xả điện	-15°C - 50°C
		Nạp điện	0°C - 40°C
		Lưu kho	-15°C - 40°C
16	Độ tự xả (ở 25°C)	Dung lượng sau 3 tháng	≥90%
		Dung lượng sau 6 tháng	≥80%
		Dung lượng sau 12 tháng	≥60%

17	Dung lượng sau 450 chu kỳ		$\geq 70\%$
18	Dung lượng ảnh hưởng bởi nhiệt độ	40°C(104°F)	100%
		25°C(77°F)	100%
		0°C(32°F)	$\geq 80\%$
		-15°C(5°F)	$\geq 65\%$
19	Kiểu trụ điện cực		T15(M5)
20	Dòng nạp lớn nhất		3A
21	Phương pháp nạp		Nạp ổn áp ở 25°C (77°F)
22	Điện áp nạp	Chu kỳ	14,7- 15,0 VDC
		Phụ nạp thường xuyên	14,3-14,5 VDC
23	Vật liệu vỏ nhựa		ABS
24	Áp suất tối đa hai bên ốc quy		50000 N/m ²
25	Góc nghiêng tối đa		30°

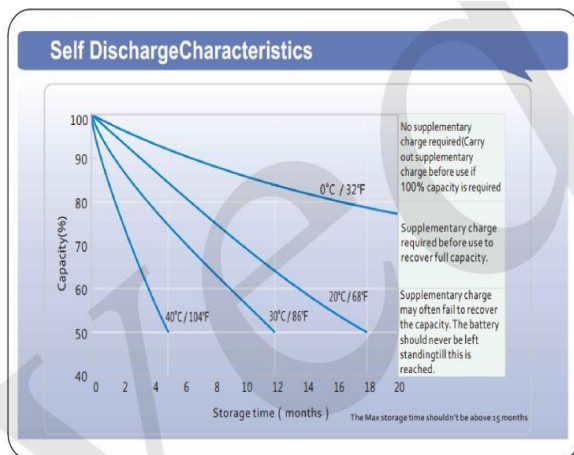
Đường cong/đồ thị kỹ thuật



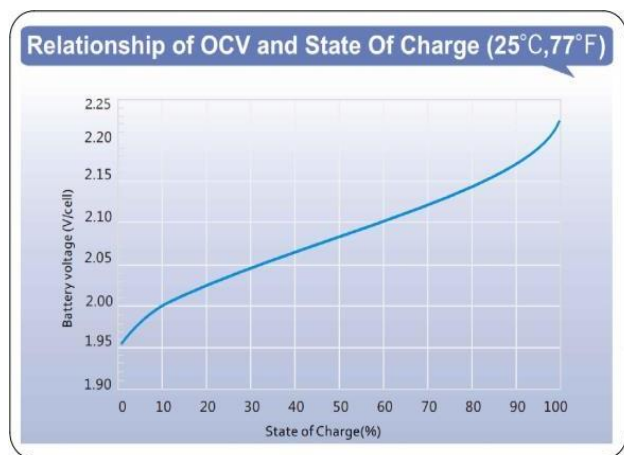
Đặc tính nạp điện



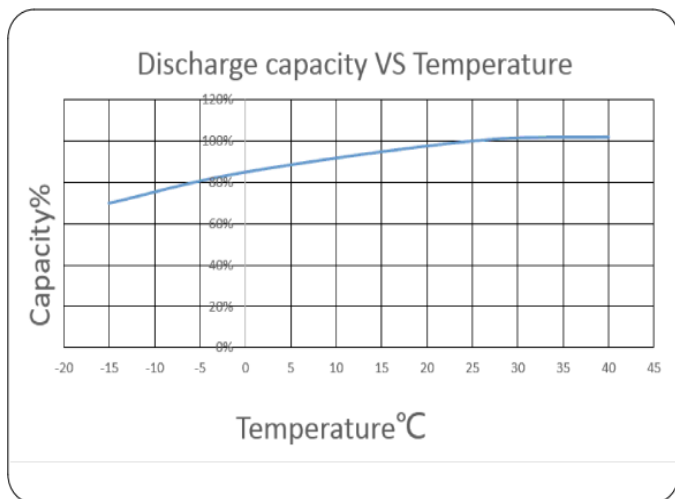
Mối quan hệ giữa độ sâu xả và tuổi thọ



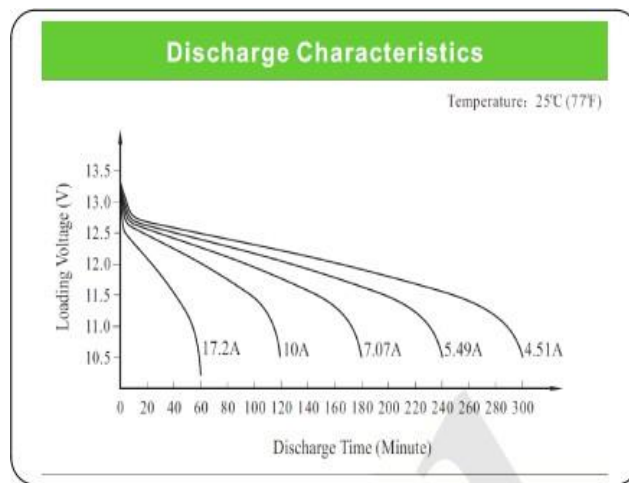
Đặc tính độ tự phóng



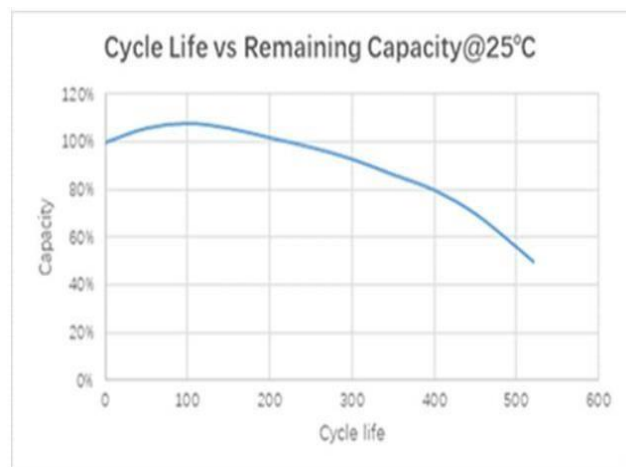
Mối quan hệ giữa điện áp ngăn và trạng thái nạp



Mối quan hệ dung lượng và nhiệt độ



Đặc tính xả điện



Tuổi thọ ắc quy